

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Hoàng Phương Dung**

2. Ngày tháng năm sinh: 28/08/1989; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 183, phố Lê Lợi, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 12A05, chung cư Sunshine Palace, ngõ 13 Lĩnh Nam, phường Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0913393860

E-mail: dungph@neu.edu.vn (email hiện tại)/dunghp@hvn.edu.vn (email cũ)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 02/2016 đến 01/2023: Giảng viên Bộ môn Thương mại quốc tế, Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng.
- Từ 09/2018 đến 09/2021: Học chương trình tiến sỹ bằng Tiếng Anh, ngành Quản trị kinh doanh tại Viện Phát triển Bền vững, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Từ 02/2023 đến nay: Giảng viên Khoa Marketing, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên Khoa Marketing.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Marketing, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 36.280.280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không**

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: **Hiện đang công tác**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **Đại học**: Ngày 21 tháng 07 năm 2011; Số văn bằng: **066043**; Ngành: **Kinh tế**, Chuyên ngành: **Kinh tế quốc tế**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Đại học Ngoại Thương**, Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng **Thạc sỹ**: Ngày 07 tháng 12 năm 2012; Số văn bằng: **1202363**; Giấy xác nhận của Cục Quản lý Chất lượng đã vào sổ đăng ký số 003661/CNVB – ThS; Ngành: **Marketing** (Master of Science in Marketing); Chuyên ngành: **Marketing**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **University of Birmingham**, Vương quốc Anh.
- Được cấp bằng **Tiến sỹ**: Ngày 30 tháng 09 năm 2021; Số văn bằng: **000185**; Ngành: **Quản trị Kinh doanh**; Chuyên ngành: **Quản trị Kinh doanh**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học Kinh tế Quốc dân**, Hà Nội, Việt Nam (Chương trình tiến sỹ bằng tiếng Anh).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: **Chưa**

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế Quốc dân**.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành: **Kinh tế**.



13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các công trình nghiên cứu của tôi trong nhiều năm qua tập trung vào ba hướng nghiên cứu chính bao gồm: : (1) Hoạt động marketing và hành vi khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ; (2) Hoạt động kinh doanh và tiêu dùng hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững; và (3) Hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Những định hướng nghiên cứu này được thể hiện trong 41 công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có phản biện, 06 sách đã xuất bản và đang được ứng dụng trong đào tạo trình độ cử nhân trở lên, và 04 đề tài nghiên cứu các cấp mà tôi đã chủ nhiệm hoặc tham gia. Các hướng nghiên cứu cụ thể gồm:

Hướng nghiên cứu 1: Hoạt động marketing và hành vi khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ

Các nghiên cứu thuộc hướng này tập trung khám phá cơ chế tác động của các yếu tố truyền thông và chất lượng dịch vụ - vốn là các kích thích marketing trọng yếu trong lĩnh vực dịch vụ - đến các biến số tâm lý của khách hàng, qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả marketing tổng thể - thể hiện qua ý định mua, sự trung thành và hiệu quả tài chính. Một số nghiên cứu theo hướng này đã xây dựng mới thang đo chất lượng dịch vụ và chất lượng trải nghiệm khách hàng trong một số bối cảnh dịch vụ đặc thù như nhà hàng phục vụ món ăn truyền thống (bài số [29]) và ngân hàng tự động (bài số [35]). Những thang đo này có thể được sử dụng để đo lường và quản trị chất lượng dịch vụ trong thực tiễn kinh doanh nhà hàng và ngân hàng số. Phần lớn các công trình thuộc hướng nghiên cứu này đã mở rộng các mô hình kinh điển trong dự báo ý định mua, sự trung thành, hay hiệu quả tài chính bằng cách tích hợp các biến số tâm lý mới như: cảm nhận về chi phí giao dịch (bài số [3]), chất lượng trải nghiệm khách hàng (bài số [35]), động cơ (bài số [14]; [36], [41]), cảm nhận về danh tiếng (bài số [15]), hay cảm nhận về sức khỏe tài chính (bài số [17] và [23]; đề tài số [2]). Bên cạnh đó, một số nghiên cứu khác cung cấp những phát hiện mới liên quan tới tác động của những khía cạnh mới trong chất lượng truyền thông và chất lượng dịch vụ như: chất lượng tương tác hai chiều giữa khách hàng và nhân viên ngân hàng (bài số [1]), chất lượng thông tin trong thương mại điện tử (bài số [2]), danh tiếng truyền thông (bài số [4] và [5]), truyền thông qua mạng xã hội/truyền

miệng trên Internet (bài báo số [41]), marketing mối quan hệ (bài số [26] và đề tài số [1]), marketing hoài niệm (bài số [29]), và môi trường cung cấp dịch vụ (bài số [7], [8], và [30]) tới phản ứng của khách hàng. Những kết quả nghiên cứu này góp phần định hình cách tiếp cận chiến lược mới nhằm nâng cao hiệu quả marketing trong thực tiễn quản trị kinh doanh dịch vụ.

Các nghiên cứu theo hướng thứ nhất được thể hiện qua các công trình sau đây:

+ **Chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở** “Tăng cường cảm nhận sức khỏe tài chính (Financial well-being) của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam” (Đề tài số [2]);

+ **Thành viên đề tài cấp Bộ** “Marketing mối quan hệ (Relationship Marketing) và sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam” (Đề tài số [1]);

+ **12 bài báo khoa học đăng tại tạp chí quốc tế xếp hạng ISI/Scopus**: bài số [1], [2], [3], [5], [14], [15], [23], [26], [29], [30], [35], [41];

+ **5 bài báo khoa học đăng tại tạp chí uy tín trong nước**: bài số [4], [7], [8], [17], [36];

+ **Đồng tác giả công trình** “Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến danh tiếng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam” đạt **giải Ba, giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ** trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2021;

+ **Chủ biên 01 sách chuyên khảo** “Chất lượng và trải nghiệm khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ” (Sách số [6]) được sử dụng trong giảng dạy các học phần Marketing dịch vụ, Hành vi người tiêu dùng, và Nghiên cứu marketing, thuộc chương trình đào tạo trình độ cử nhân tại Khoa Marketing, Đại học Kinh tế Quốc dân;

+ **Đồng chủ biên 01 sách** “Hướng dẫn học tập Hành vi người tiêu dùng” và **tham gia biên soạn 01 giáo trình** “Hành vi người tiêu dùng” và sách “Hướng dẫn học tập Nghiên cứu marketing” được sử dụng trong giảng dạy học phần Hành vi người tiêu dùng và Nghiên cứu marketing, thuộc chương trình đào tạo trình độ cử nhân tại Khoa Marketing, Đại học Kinh tế Quốc dân (sách số [2], [3], và [4]).

Hướng nghiên cứu 2: Hoạt động kinh doanh và tiêu dùng hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững

Các công trình nghiên cứu theo hướng này tập trung vào các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng hướng tới việc thực hiện 4 trong số 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) theo chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc, bao gồm: mục tiêu số 3 - Sức khỏe và hạnh phúc; mục tiêu số 4 - Giáo dục có chất lượng; mục tiêu số 8 - Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế; và mục tiêu số 12 - Sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm. Đây đều là những thách thức lớn đối với tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh hoạt động kinh doanh và tiêu dùng được xem là một trong những giải pháp then chốt để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững nêu trên. Tuy nhiên, các hoạt động này và hiệu quả của chúng chịu ảnh hưởng phức tạp bởi nhiều yếu tố ở cấp độ vĩ mô, đòi hỏi phải có cách tiếp cận toàn diện hơn trong nghiên cứu. Vì vậy, bên cạnh các công trình tập trung khám phá các yếu tố thúc đẩy hoặc cản trở thực hành kinh doanh và tiêu dùng bền vững, một số nghiên cứu theo định hướng này đã mở rộng phạm vi phân tích sang tác động của các yếu tố vĩ mô đến hiệu quả thực tiễn của những hoạt động này trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Những đóng góp đó không chỉ làm sáng tỏ cơ chế tác động giữa bối cảnh vĩ mô và các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng ở cấp độ vi mô, mà còn cung cấp các gợi ý chính sách có giá trị cho cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức liên quan trong việc thúc đẩy phát triển bền vững.

Cụ thể, các nghiên cứu thuộc hướng này và kết quả liên quan có thể chia thành 3 nhánh chính. *Nhánh thứ nhất* khám phá và kiểm định các yếu tố trực tiếp thúc đẩy/cản trở thực hành kinh doanh và tiêu dùng có trách nhiệm (mục tiêu số 12) như: đổi mới sáng tạo xanh (bài số [6], [11], [38]), chuyển đổi số xanh (bài số [16]), chiến lược đa dạng hóa trong sản xuất và sử dụng năng lượng (bài số [10], [34], [37]), hành vi tuân thủ các quy định về môi trường trong khu vực kinh tế phi chính thức (bài số [12] và [34]), hợp tác công tư trong lĩnh vực năng lượng (bài số [27]), hiệu quả thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong bối cảnh phân quyền tài chính (bài số [28]), tiêu dùng sản phẩm/dịch vụ xanh (bài số [19], [31], và [32]), tiêu dùng năng lượng trong bối cảnh đô thị hóa và bất bình đẳng thu nhập (bài số [21]), và thải loại sản phẩm một cách có trách nhiệm với môi trường (bài số [24]). *Nhánh thứ hai* tập trung vào các yếu tố thúc đẩy/cản

trở các hành vi tiêu dùng liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững số 3 và 4 về Sức khỏe - hạnh phúc và Giáo dục có chất lượng như: hút thuốc lá điện tử (bài số [40]) và tham gia các khóa học trực tuyến (bài số [25]). *Nhánh thứ ba* nghiên cứu về các vấn đề liên quan tới việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế (mục tiêu số 8) như: sự sẵn sàng tham gia vào du lịch sáng tạo của cộng đồng địa phương (bài số [33]), hành vi nghỉ việc của Gen Z từ góc độ Marketing nội bộ (bài số [39]), và ứng dụng chuyển đổi số hướng tới tăng năng suất lao động (Đề tài số [4]). Các kết quả từ những nghiên cứu này tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc đề xuất các khuyến nghị toàn diện trong giải quyết các vấn đề phát triển bền vững liên quan.

Các nghiên cứu theo hướng thứ 2 được thể hiện thông qua các công trình sau đây:

+ **13 bài báo khoa học đăng tại tạp chí quốc tế xếp hạng ISI/Scopus:** bài số [6], [10], [11], [12], [16], [19], [21], [27], [28], [31], [34], [37], và [38];

+ **02 bài báo khoa học đăng tại tạp chí uy tín trong nước:** bài số [39] và [40];

+ **03 báo cáo khoa học viết bằng tiếng Việt đăng kỷ yếu hội thảo quốc gia có phản biện:** bài số [24], [25], và [33];

+ **01 báo cáo khoa học viết bằng tiếng Anh đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện:** bài số [32];

+ **Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ** (đề tài nhánh thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia): “Đánh giá tác động của kinh tế số đến năng suất lao động của các doanh nghiệp theo loại hình sở hữu ở Việt Nam” (Đề tài số [4]).

Hướng nghiên cứu 3: Hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Các nghiên cứu thuộc định hướng này tập trung làm sáng tỏ những câu hỏi trọng yếu liên quan đến vị thế của doanh nghiệp - và theo đó, của quốc gia sở tại - trong chuỗi giá trị toàn cầu, bao gồm: (1) doanh nghiệp đảm nhận khâu nào (vị thế trong chuỗi giá trị), (2) năng lực cạnh tranh được thể hiện ra sao, cụ thể qua khả năng sản xuất đa dạng các mặt hàng có giá trị gia tăng cao mà ít quốc gia có thể thực hiện - phản ánh trong chỉ số “mức độ phức tạp của nền kinh tế”, và (3) các yếu tố vĩ mô nào có tác động đến vị thế và năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu. Câu trả lời cho những câu hỏi này liên quan đến chiến lược vận hành, đổi mới, quản lý rủi ro và hành vi tổ chức - đây

là những lĩnh vực cốt lõi trong nghiên cứu quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, không chỉ hoạt động kinh doanh thương mại mà cả các hoạt động kinh doanh ngân hàng cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố vĩ mô trong nước, rủi ro trong môi trường kinh doanh quốc tế và các quy định quốc tế, trong đó có “lệnh trừng phạt”. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu theo hướng này đã tập trung giải thích hành vi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp (bài số [13] và [20]) và từ đó, đề xuất giải pháp giúp nâng cao vị thế của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị. Đề tài số [3] và bài số [22] đã đưa ra các lập luận và bằng chứng thực tiễn về tác động của bối cảnh kinh tế - thể chế - tài nguyên trong nước tới năng lực cạnh tranh của xuất khẩu (phản ánh qua mức độ phức tạp của nền kinh tế). Các bài số [9] và [18] đo lường và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các lệnh trừng phạt và sự không chắc chắn tới chuỗi cung ứng và hoạt động kinh doanh ngân hàng trên phạm vi quốc tế, từ đó, đưa ra những hàm ý cho các quốc gia, hệ thống ngân hàng, và doanh nghiệp khi đối mặt với sự bất ổn của môi trường kinh doanh quốc tế.

Các nghiên cứu theo hướng thứ 3 được thể hiện thông qua các công trình sau đây:

+ **5 bài báo khoa học đăng tại tạp chí quốc tế xếp hạng ISI/Scopus:** bài số [9], [13], [18], [20], [22];

+ **Thành viên 01 đề tài cấp cơ sở** “Nghiên cứu tác động của thể chế tới mức độ phức tạp của nền kinh tế” (Đề tài số [3]);

+ **Tham gia biên soạn** Chương 2 – Lý thuyết về quốc tế hóa, sách “Hướng dẫn học tập Marketing quốc tế” (sách số [5]).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã **hướng dẫn độc lập 02** học viên cao học và hướng dẫn phụ 02 học viên cao học khác đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng Thạc sỹ tại Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Đã hoàn thành **04** đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+) Chủ nhiệm đề tài: **01** đề tài NCKH cấp Bộ (đề tài nhánh thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia) và **01** đề tài NCKH cấp cơ sở (Học viện Ngân hàng).

+) Thành viên tham gia: **01** đề tài NCKH cấp Bộ (ngành Ngân hàng) và **01** đề tài NCKH cấp cơ sở (Học viện Ngân hàng).

- Đã công bố **41** bài báo và báo cáo khoa học, trong đó:

+) **30** bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín đều thuộc danh mục ISI/Scopus trước và sau Tiến sĩ (trong đó, ứng viên là **tác giả chính 24 bài và đồng tác giả 06 bài**);

+) **07** bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong nước;

+) **01** báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện;

+) **03** báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia có phản biện.

- Số lượng sách đã xuất bản: **06** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó:

+) **Chủ biên** 01 cuốn sách chuyên khảo

+) **Đồng chủ biên** 01 sách hướng dẫn học tập;

+) **Tham gia** biên soạn 02 giáo trình và 02 sách hướng dẫn học tập khác.

15. Khen thưởng

Thời gian	Hình thức, lý do khen	Cấp ký quyết định, ngày cấp
Danh hiệu thi đua		
2021-2022	Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở	Quyết định số 2340/QĐ-HVNH ngày 26/08/2022 của Giám đốc Học viện Ngân hàng
2023-2024	Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở	Quyết định số 102/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 23/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân
Khen thưởng		
2019-2020	Giấy khen cá nhân “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Khoa học & Công nghệ”	Quyết định số 312/QĐ-HVNH ngày 13/05/2020 của Giám đốc Học viện Ngân hàng
2021-2022	Giấy khen cá nhân “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Khoa học & Công nghệ”	Quyết định số 922/QĐ-HVNH ngày 16/05/2022 của Giám đốc Học viện Ngân hàng
2021	Bằng khen nhóm tác giả có đề tài đạt Giải Ba – giải thưởng	Quyết định số 715/QĐKT/TWĐTN-VP ngày 31/12/2021 của Ban chấp

Thời gian	Hình thức, lý do khen	Cấp ký quyết định, ngày cấp
	Khoa học và Công nghệ dành cho giảng viên trẻ năm 2021	hành Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
2022	Giấy chứng nhận “Đã hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài đạt Giải Nhì, Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2022”	Quyết định số 4273/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2022	Giấy khen nghiên cứu sinh Khóa 39 “Đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học”	Quyết định số 289/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 28/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2022-2023	Giấy khen giảng viên “Đã có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học năm 2023” của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quyết định số 46/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 18/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2023	Giấy khen “Đã có thành tích xuất sắc trong việc tham gia và tổ chức thành công Kỳ thi Olympic Kinh tế Việt Nam 2023 (Vietnam Economics Olympiad-VEO)	Quyết định số 245/QĐ-VKHGDVN của Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
2025	Bằng khen nhà khoa học đã có thành tích xuất sắc trong phong trào “Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ năm 2024”	Quyết định khen thưởng số 619/QĐ-CĐN, ngày 08 tháng 05 năm 2025 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong gần 7 năm công tác tại Học viện Ngân hàng và hơn 2 năm công tác tại Đại học Kinh tế Quốc dân với cương vị giảng viên, tôi luôn luôn tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia tích cực và đầy đủ vào các hoạt động khác của nhà trường, và hoàn thành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

- *Về chính trị tư tưởng:* Tôi luôn chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, luôn giữ vững lập trường, tư tưởng, phẩm chất chính trị của người Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tôi luôn có ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của Nhà nước.

- *Về chuyên môn:* Tôi luôn chủ động nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực ủng hộ định hướng nghiên cứu và tăng cường hội nhập của nhà trường trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- *Về công tác giảng dạy:* Tôi đã tham gia giảng dạy cho sinh viên bậc đại học hệ chính quy và hệ liên kết quốc tế, học viên cao học bậc thạc sỹ, nghiên cứu sinh bậc tiến sỹ. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn chủ động cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp giảng dạy, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, tôi luôn hoàn thành kế hoạch giảng dạy với hiệu suất và chất lượng cao, nhận được phản hồi tích cực của người học. Khi được phân công hướng dẫn học viên cao học, tôi đều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ, luôn động viên, giúp đỡ học viên hoàn thành luận văn với chất lượng tốt nhất và đúng thời hạn.

- *Về nghiên cứu khoa học:* với niềm say mê nghiên cứu khoa học, tôi đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên. Trong đó, tôi đã chủ trì và tham gia 04 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; công bố 41 bài báo và báo cáo khoa học trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học uy tín trong và ngoài nước kể từ sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ; chủ biên và tham gia viết tổng cộng 06 sách gồm giáo trình, sách chuyên khảo và sách hướng dẫn học tập để phục vụ cho giảng dạy và



đào tạo tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Ngoài ra, tôi cũng tham gia tích cực vào việc định hướng các giảng viên trẻ và sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, tôi cũng tham gia xây dựng một số đề cương và nội dung môn học cho các chương trình đào tạo thuộc hệ đào tạo đại học, hệ đào tạo thạc sỹ, và hệ đào tạo tiến sỹ tại Đại học Kinh tế Quốc dân với mong muốn đóng góp vào công tác đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục tại trường. Tôi luôn phấn đấu học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới giáo dục của Đảng, Nhà nước và Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 09 năm 04 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				2	315		315/483,66/270
2	2020-2021				2	270		270/420,74/270
3	2021-2022				5	247,5		247,5/434,36/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023				4	423		423/544,04/270
5	2023-2024			2 (Độc lập) 2 (Phụ)	11	528		528/750,6/270
6	2024-2025				18	528	64	592/1014,8/200

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

- Định mức giờ chuẩn trước năm 2024 tại Đại học Kinh tế Quốc dân là 270 tiết.

- Định mức giờ chuẩn từ năm 2024 tại Đại học Kinh tế Quốc dân là 200 tiết theo Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTQD.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: **Vương quốc Anh** năm 2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **tiếng Anh.**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):



+ Chương trình cử nhân quốc tế Quản trị Kinh doanh, Kinh doanh & Quản trị Sự kiện, và Quản trị Kinh doanh Quốc tế, liên kết giữa Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Tổng hợp West of England, Vương quốc Anh.

+ Chương trình cử nhân quốc tế ngành Kinh doanh và Marketing, liên kết giữa Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Coventry, Vương quốc Anh.

+ Chương trình cử nhân quốc tế ngành Digital Marketing, liên kết giữa Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Leeds Beckett, Vương Quốc Anh.

+ Chương trình chất lượng cao ngành Quản trị Marketing, Đại học Kinh tế Quốc dân.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lưu Thị Ngọc Ánh		X	X		29/12/2023- 31/07/2024	Đại học Kinh tế Quốc dân	28/03/2025
2	Phạm Anh Huy		X	X		29/12/2023- 31/07/2024	Đại học Kinh tế Quốc dân	30/05/2025
3	Vũ Thị Thùy Hương		X		X	29/12/2023- 31/07/2024	Đại học Kinh tế Quốc dân	31/12/2024
4	Bùi Đức Trung		X		X	29/12/2023- 31/07/2024	Đại học Kinh tế Quốc dân	22/01/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ						
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ						
1	Giáo trình Marketing căn bản	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025	08	Tham gia	Chương 10 (578-659)	Xác nhận sử dụng giáo trình của Đại học Kinh tế Quốc dân
2	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025	09	Tham gia	Chương 3 (116- 161) và Chương 13 (651-725)	Xác nhận sử dụng giáo trình của Đại học Kinh tế Quốc dân
3	Hướng dẫn học tập Hành vi người tiêu dùng	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025	10	Đồng chủ biên	Chương 3 (39- 49 và 199-203); Chương 12 và Chương 13 (162-189 và 246-255)	Xác nhận sử dụng sách hướng dẫn của Đại học Kinh tế Quốc dân
4	Hướng dẫn học tập nghiên cứu Marketing	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025	07	Tham gia	Chương 10 (123-137 và 258-262)	Xác nhận sử dụng sách hướng dẫn của Đại học Kinh tế Quốc dân
5	Hướng dẫn học tập Marketing quốc tế	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023	09	Tham gia	Chương 2 (32-43; 234- 236)	Xác nhận sử dụng sách hướng dẫn của Đại học Kinh tế Quốc dân

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
6	Chất lượng và trải nghiệm khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025	01	Chủ biên	Toàn bộ nội dung các chương	Xác nhận sử dụng sách chuyên khảo của Đại học Kinh tế Quốc dân

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1	ĐT: Marketing mối quan hệ (Relationship Marketing) và sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam	Thành viên	ĐTNH.004/18 Cấp Bộ	2018-2019	QĐ số 2730/QĐNHNN ngày 31/12/2019 Giỏi
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
2	ĐT: Tăng cường cảm nhận sức khỏe tài chính (Financial well- being) của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	CN	DTHV.01/2021 Cấp cơ sở	2021-2022	QĐ số 1790/QĐ- HVNH ngày 08/07/2022 Xuất sắc
3	ĐT: Nghiên cứu tác động của thể chế tới mức độ phức tạp của nền kinh tế	Thành viên	ĐTHV.31/2022 Cấp cơ sở	2022-2023	QĐ số 3433/ QĐ- HVNH ngày 08/12/2022 Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
4	ĐT: Đánh giá tác động của kinh tế số đến năng suất lao động của các doanh nghiệp theo loại hình sở hữu ở Việt Nam	CN	KX.01.07/21.30 Cấp Bộ (Đề tài nhánh thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia)	2025	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 18/QĐ-ĐTN-KX.01.07 ngày 20/05/2025 Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 30/05/2025 Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	The central role of customer dialogue and trust in gaining bank loyalty: an extended SWICS model	01	X	International Journal of Bank Marketing (Emerald) e ISSN: 1758-5937 p ISSN: 0265-2323	SSCI, IF: 6,3 Scopus Q1, SJR: 1,44	Google scholar: 52	37 (3); 711-729	4/2019
2	Retaining online customers: Information Quality as a sign of Corporate Social Responsibility	02	X	International Journal of Business and Society (Universiti Malaysia Sarawak - UNIMAS) ISSN: 1511-6670	ESCI, IF: 1,1 Scopus Q3, SJR: 0,24	Google scholar: 9	20 (2); 482-500	7/2019

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
3	A transaction cost explanation of the card-or-cash decision among Vietnamese debit card holders	02	X	International Journal of Bank Marketing (Emerald) e ISSN: 1758-5937 p ISSN: 0265-2323	SSCI, IF: 6,3 Scopus Q1, SJR: 1,44	Google scholar: 11	38 (7); 1635-1664	3/2020
4	Tác động của danh tiếng truyền thông tới hiệu quả tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam	03		Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế e ISSN: 2615-9856 p ISSN: 2615-9848		Google scholar: 1	128; 109-130	7/2020
5	Media Reputation: A source of banks' financial performance	03	X	International Journal of Bank Marketing (Emerald) e ISSN: 1758-5937 p ISSN: 0265-2323	SSCI, IF: 6,3 Scopus Q1, SJR: 1,44	Google scholar: 30	38 (6); 1399- 1419	8/2020
6	The complementarity of income equalization and innovation for more effective emission reduction	02	X	Journal of Environmental Management (Elsevier) e ISSN: 1095-8630 p ISSN: 0301-4797	SCIE, IF: 8 Scopus Q1, SJR: 1,99	Google scholar: 15	284; 1-13	4/2021
7	Chiến lược phân tán trong phát triển du lịch liên kết: Kinh nghiệm từ vùng du lịch Midlands Meander (Nam Phi) và Queensland (Úc)	02	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo e ISSN: 2734-9365 p ISSN: 1859-4972			14 (5); 68- 71	5/2021

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
8	Bài học kinh nghiệm từ chiến lược “tập trung” trong phát triển du lịch liên kết	02		Tạp chí Du lịch ISSN: 0866-7373			09; 58-60	9/2021
II Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
9	Global economic sanctions, global value chains and institutional quality: Empirical evidence from cross- country data	05		The Journal of International Trade and Economic Development (Routledge - Taylor & Francis Group) e ISSN: 1469-9559 p ISSN: 0963-8199	SSCI, IF: 2,2 Scopus Q2, SJR: 0,659	Google scholar: 33	31 (3); 427-449	10/2021
10	Is product proximity a driver for better energy security? Global evidence of nonlinear relationships between product proximity and energy security	03	X	International Journal of Sustainable Development and World Ecology (Taylor & Francis) e ISSN: 1745-2627 p ISSN: 1350-4509	SCIE, IF: 6,5 Scopus Q1, SJR: 1,28	Google scholar: 46	29 (4); 366-386	1/2022
11	Are economic complexity and eco- innovation mutually exclusive to control energy demand and environmental quality in E7 and G7 countries?	04		Technology in Society (Elsevier) e ISSN: 1879-3274 p ISSN: 0160-791X	SSCI, IF: 10,1 Scopus Q1, SJR: 2,56	Google scholar: 134	68 (1); 1-16	1/2022

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
12	The shadow economy- environmental quality nexus in OECD countries: empirical evidence from panel quantile regression	02	X	Environmental Science and Pollution Research (Springer Science) e ISSN: 1614-7499	Scopus Q1, SJR: 1	Google scholar: 14	29; 65233– 65258	4/2022
13	What motivates Vietnamese enterprises to upgrade in global value chains? Closing the intention-behavior gap	03	X	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics (Emerald) e ISSN: 1758-4248 p ISSN: 1355-5855	SSCI, IF: 3,9 Scopus Q1, SJR: 1,19	Google scholar: 5	34 (7); 1325-1347	5/2022
14	Determinants of multi- destination travel in Vietnam: a rational choice perspective	03	X	International Journal of Tourism Cities (Emerald) e ISSN: 2056-5615 p ISSN: 2056-5607	ESCI, IF: 3,0 Scopus Q1, SJR: 0,681	Google scholar: 8	8 (2); 289-310	5/2022
15	An expanded model of bank reputation in the context of the Covid- 19 crisis: a Vietnamese contribution	03	X	SN Business & Economics (Springer) e ISSN: 2662-9399	Đã được xếp hạng Scopus nhưng chưa có Q cụ thể CiteScore: 2,1	Google scholar: 9	2; 1-28	6/2022

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	Impacts of digitalization on energy security: evidence from European countries	04		Environment, Development and Sustainability (Springer) e ISSN: 1573-2975 p ISSN: 1387-585X	SCIE, IF: 4,7 Scopus Q1, SJR: 0,89	Google scholar: 86	25; 11599 - 11644	7/2022
17	Tăng cường sức khỏe tài chính cho khách hàng: Chia khóa của sự trung thành đối với các ngân hàng thương mại	04	X	Tạp chí Ngân hàng (Banking review) e ISSN: 2815-6056 p ISSN: 2815-6048			13; 8-15	7/2022
18	On the uncertainty- global bank linkage nexus: The moderation of crises, financial regulations, and institutional quality	03	X	Journal of Economics and Finance (Springer) e ISSN: 1938-9744 p ISSN: 1055-0925	ESCI, IF: 1,7 Scopus Q3, SJR: 0,469	Google scholar: 3	46; 623-645	10/2022
19	The formation of attitudes and intention towards green purchase: An analysis of internal and external mechanisms	02	X	Cogent Business & Management (Taylor & Francis) e ISSN: 2331-1975	ESCI, IF: 3,0 Scopus Q2, SJR: 0,6	Google scholar: 43	10 (1); 1-19	3/2023

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
20	Bribery, global value chain decisions, and institutional constraints: Evidence from a cross-country firm-level data	03		International Economics (Elsevier) e ISSN: 2542-6869 p ISSN: 2110-7017	Scopus Q1, SJR: 0,963	Google scholar: 4	173 (C); 119-142	5/2023
21	The interaction of income inequality and urbanization in affecting environmental quality: International evidence	02	X	Australasian Journal of Environmental Management (Taylor & Francis) e ISSN: 2159-5356 p ISSN: 1448-6563	SSCI, IF: 1,1 Scopus Q2, SJR: 0.41	Google scholar: 3	30 (2); 215-241	6/2023
22	How do economic policy uncertainty, geopolitical risk, and natural resources rents affect economic complexity? Evidence from advanced and emerging market economies	03	X	Resources Policy (Elsevier) e ISSN: 1873-7641 p ISSN: 0301-4207	Scopus Q1, SJR: 2,381	Google scholar: 37	85 (A); 1-15	8/2023
23	Linking psychological needs, perceived financial well-being and loyalty: the role of commercial banks	04	X	Journal of Financial Services Marketing (Springer) e ISSN: 1479-1846 p ISSN: 1363-0539	ESCI, IF: 2,9 Scopus Q2, SJR: 0,63	Google scholar: 13	28; 466-487	9/2023

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
24	Thúc đẩy hành vi thái loại có trách nhiệm: Nghiên cứu thực nghiệm đối với người tiêu dùng trẻ Việt Nam trong ngành thời trang	06	X	Hội thảo khoa học quốc gia: “Thúc đẩy chuyển dịch xanh, bao trùm ở Việt Nam” do Học viện Chính sách & Phát triển và Tạp chí Kinh tế & Dự báo đồng tổ chức ISBN: 978-604-82-7585-3			373-383	11/2023
25	Ảnh hưởng của hoạt động Marketing trên mạng xã hội tới ý định mua các khóa học trực tuyến của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội	06	X	Hội thảo khoa học quốc gia: “Đào tạo e-learning bối cảnh mới” do Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức ISBN: 978-604-41-0470-6			253-267	12/2023
26	Linking relationship marketing to customer loyalty in the e- banking context: The central role of customer satisfaction	02	X	Gadjah Mada International Journal of Business (Universitas Gadjah Mada, Indonesia) e ISSN: 2338-7238 p ISSN: 1411-1128	ESCI, IF: 1,1 Scopus Q3, SJR: 0,378	Google scholar: 11	26 (1); 109-140	1/2024

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
27	The interaction of public-private partnership investment in energy and geopolitical risk in influencing carbon dioxide emissions in E7 countries	03		Environment, Development and Sustainability (Springer) e ISSN: 1573-2975 p ISSN: 1387-585X	SCIE, IF: 4,7 Scopus Q1, SJR: 0,89	Google scholar: 2	Đã xuất bản online từ 02/2024 nhưng chưa có Vol.	2/2024
28	Exploring the nexus between fiscal decentralization and ecological sustainability: a fresh perspective from the moderating role of geopolitical risk and updated international evidence	04	X	Environmental Science and Pollution Research (Springer Science) e ISSN: 1614-7499	Scopus Q1, SJR: 1	Google scholar: 4	31; 15689– 15715	2/2024
29	Factors affecting restaurant choices for traditional foods among Gen Y and Gen Z: a multigenerational study on Vietnamese “Pho”	06	X	Journal of Hospitality and Tourism Insights (Emerald) e ISSN: 2514-9806 p ISSN: 2514-9792	ESCI, IF: 4,8 Scopus Q1, SJR: 1,134	Google scholar: 6	7 (2); 868-888	4/2024

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30	How perceived crowding changes the interrelationships between perceived value, tourist satisfaction and destination loyalty: the empirical study at Hoi An	03	X	International Journal of Tourism Cities (Emerald) e ISSN: 2056-5615 p ISSN: 2056-5607	ESCI, IF: 3,0 Scopus Q1, SJR: 0,681	Google scholar: 5	10 (1); 324-352	4/2024
31	Integrating the norm activation model and technology acceptance model to explain tourist intention to use public bike rental service	03	X	Journal of Hospitality and Tourism Insights (Emerald) e ISSN: 2514-9806 p ISSN: 2514-9792	ESCI, IF: 4,8 Scopus Q1, SJR: 1,134	Google scholar: 2	8 (5); 1621-1639	8/2024
32	How to promote green fashion consumption among young consumers	02	X	Hội thảo quốc tế “7th International Conference on Contemporary issues in Economics, Management and Business” do Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức ISBN: 978-604-4983-92-9			187-216	10/2024

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Yếu tố tác động đến sự sẵn sàng và hành vi tham gia vào du lịch sáng tạo của cộng đồng địa phương: Trường hợp của du lịch cà phê	02		Hội thảo trong nước “Phát triển du lịch sáng tạo ở Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn” do Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức ISBN: 978-604-4983-89-9			285-296	10/2024
34	A step towards energy efficiency in G7 countries: analyzing the role of economic complexity and shadow economy on energy intensity	03	X	Energy Efficiency (Springer) e ISSN: 1570-6478 p ISSN: 1570-646X	SCIE, IF: 3,2 Scopus Q2, SJR: 0,869	Google scholar: 2	17; 1-28	11/2024
35	Customer experience of video teller machine service: drivers and behavioural outcomes	01	X	International Journal of Bank Marketing (Emerald) e ISSN: 1758-5937 p ISSN: 0265-2323	SSCI, IF: 6,3 Scopus Q1, SJR: 1,44	Google scholar: 3	42 (7); 1634-1665	11/2024
36	Các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến ý định du lịch tưởng niệm của khách du lịch Gen Z: nghiên cứu thực tiễn tại Nhà tù Hỏa Lò	06	X	Tạp chí Khoa học Thương mại e ISSN: 2815-5726 p ISSN: 1859-3666			194; 71-88	11/2024

Handwritten signature

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
37	How diversification in energy and economic sectors influences environmental quality: International evidence	04	X	Energy Policy (Elsevier) e ISSN: 1873-6777 p ISSN: 0301-4215	SCIE, IF: 9,3 Scopus Q1, SJR: 2,692	Google scholar: 2	195; 1-20	12/2024
38	What makes environment-related technologies less effective? The role of uncertainty	03		Economic Systems (Elsevier) e ISSN: 1878-5433 p ISSN: 0939-3625	SSCI, IF: 2,8 Scopus Q2, SJR: 0,842		48; 1-13	12/2024
39	Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định nghỉ việc của thế hệ Z: Góc tiếp cận tâm lý học từ Marketing nội bộ	06	X	Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh, ISSN: 2525-2569			31; 166-180	12/2024
40	Các nhân tố kìm hãm ý định sử dụng thuốc lá điện tử của sinh viên Hà Nội	05	X	Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh ISSN: 2525-2569			32; 129-138	3/2025
41	How to promote dark tourism among Gen Z travellers: a motivational perspective	07	X	Consumer Behavior in Tourism and Hospitality (Emerald) e ISSN: 2752-6674 p ISSN: 2752-6666	ESCI, IF: 2,7 Scopus Q1, SJR: 0,664		20(2); 236-250	3/2025

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là **tác giả chính** sau cấp bằng Tiến sĩ: **19** bài đã được công bố. Cụ thể:

+ Bài báo tạp chí thuộc danh mục Scopus & ISI (ESCI, SSCI, SCIE) có $IF \geq 2$: 12 bài;

+ Bài báo tạp chí thuộc danh mục Scopus & ISI (ESCI, SSCI, SCIE) có $IF < 2$: 3 bài;

+ Bài báo tạp chí thuộc danh mục Scopus khác: 4 bài

- Chỉ số trích dẫn từ cơ sở dữ liệu Scopus, Author ID: 57208108746 (đến 26/06/2025): trích dẫn 618 lần. H-index: 13.

<https://www.scopus.com/authid/detail.uri?authorId=57208108746>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Hoàng Phương Dung